

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 12 - 01 - 2026
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Truyền
2. Ông Bùi Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2025/TLST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2025/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thụy Hải H**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

(Nay là Tổ 13, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long). (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư **Lê Phan Hoàng D** – Công ty L.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Bị đơn: 1. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1958

2. Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

(Nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh **Đào Thanh N**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 10/11/2025 của bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và bản tự khai đề cùng ngày 27/10/2025 của nguyên đơn chị Lê Thụy Hải H trình bày:

Ngày 02/7/2025 ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Thành T có vay của chị Lê Thụy H1 H số tiền vốn 2.300.000.000đ để chuyển mục đích sử dụng đất, thời hạn vay là 20 ngày tính từ ngày 02/7/2025 đến ngày 22/7/2025, hai bên không thỏa thuận lãi suất, có làm biên nhận mượn tiền lập ngày 11/8/2025. Số tiền mà chị H cho ông B và anh T vay là của cá nhân chị và không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của chồng chị H trong giao dịch này. Đến nay đã quá thời hạn trả nên chị H yêu cầu ông B và anh T có trách nhiệm trả cho chị số tiền vốn vay là 2.300.000.000đ và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 02/7/2025 đến ngày 27/10/2025 là 03 tháng 25 ngày theo mức lãi suất 0,83%/tháng bằng số tiền: $(2.300.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 3 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}) = 73.204.000đ$. Tổng cộng vốn lãi là 2.373.204.000đ.

- Tại biên bản hòa giải ngày 04/12/2025, anh Đào Thanh N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Thành T có vay của nguyên đơn chị Lê Thụy H1 H số tiền tổng cộng là 2.300.000.000đ và tại phiên hòa giải thì phía bị đơn không yêu cầu tính lãi nên ông B và anh T đồng ý trả cho chị H số tiền vốn 2.300.000.000đ. Tuy nhiên, về nghĩa vụ chịu tiền án phí chưa thỏa thuận được với nguyên đơn nên cần thời gian hỏi lại ý kiến của bị đơn.

- Trong văn bản trình bày ý kiến đề ngày 12/12/2025 của bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

Anh Nguyễn Thành T thừa nhận anh và ông Nguyễn Văn B có nhận của chị Lê Thụy H1 H số tiền 2.300.000.000đ, tuy nhiên anh và ông B hoàn toàn không có sử dụng, hưởng lợi hay chi tiêu về số tiền này. Số tiền 2.300.000.000đ sau khi nhận từ chị H thì anh và ông B giao cho chị ruột của anh T là Nguyễn Thị Xuân C (con ruột ông Nguyễn Văn B) và chồng chị C là Nguyễn Hoài P nhận và sử dụng. Việc vợ chồng chị C, anh P có đóng lãi trực tiếp cho chị H hay không thì anh hoàn toàn không biết. Vì vậy, cần đưa vợ chồng chị C, anh T tham gia là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để có trách nhiệm trả cho chị H số tiền vốn vay và tiền lãi (nếu có), còn anh và ông B không phải chịu trách nhiệm về việc trả cho chị H số tiền vay.

- Trong bản khai đề ngày 15/12/2025, chị Lê Thụy Hải H trình bày:

Tại biên bản hòa giải ngày 04/12/2025, chị H đã đồng ý cho ông B và anh T trả cho chị số tiền nợ gốc là 2.300.000.000đ và không yêu cầu tính lãi nhằm tạo điều kiện cho ông B và anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ để giải quyết nhanh chóng vụ án. Tuy nhiên, ông B và anh T vẫn không có thiện chí trả nợ nên chị thay đổi yêu cầu là buộc ông B và anh T có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền vốn vay là 2.300.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/9/2025 đến ngày 12/01/2026 là 04 tháng 14 ngày bằng số tiền: $(2.300.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 04 \text{ tháng } 14 \text{ ngày}) = 85.268.000đ$.

- *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Tại biên bản hòa giải ngày 04/12/2025, phía đại diện bị đơn đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền vốn vay là 2.300.000.000đ và sẽ trả số tiền vốn này cho nguyên đơn nên không cần phải chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 2.300.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/9/2025 đến ngày 12/01/2026 là 04 tháng 14 ngày được tính tròn bằng số tiền: $(2.300.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 04 \text{ tháng } 14 \text{ ngày}) = 85.268.000đ$. Đối với lời trình bày của bị đơn cho rằng không có sử dụng số tiền vay và sau khi vay đã giao cho chị C, anh P là người trong gia đình của bị đơn sử dụng số tiền này nên bị đơn không có trách nhiệm trả nợ là không phù hợp luật định, vì nguyên đơn chỉ giao dịch với bị đơn, còn việc bị đơn đã vay tiền và giao lại cho người khác sử dụng là một giao dịch khác. Do đó, không phải đưa chị C, anh P vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thụy Hải H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Thành T có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH25 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án quy định Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn chị Lê Thụy Hải H, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bị đơn anh Nguyễn Thành T đều thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng vay tiền (biên nhận mượn tiền) vào ngày 11/8/2025, theo đó ông B và anh T vay của chị H số tiền vốn 2.300.000.000đ, thời hạn vay là 20 ngày tính kể từ ngày 11/8/2025 sẽ trả lại và không có thỏa thuận trả lãi. Do đó, tình tiết và sự kiện này không cần phải chứng theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét hợp đồng vay tiền ký kết ngày 11/8/2025 đến nay đã quá thời hạn trả (thời hạn trả là 20 ngày kể từ ngày 11/8/2025 đến ngày 30/8/2025) nên theo yêu cầu của chị

Hoàng B1 ông B và anh T trả cho chị H số tiền nợ vốn 2.300.000.000đ là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Xét ý kiến bị đơn anh Nguyễn Thành T cho rằng sau khi vay tiền của chị H rồi giao lại cho chị ruột anh T là chị Nguyễn Thị Xuân C (con ruột bị đơn ông Nguyễn Văn B) và chồng chị C là anh Nguyễn Hoài P nhận và sử dụng số tiền này, nên đưa vợ chồng chị C và anh T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để có trách nhiệm trả cho chị H số tiền vốn vay và tiền lãi (nếu có). Phía chị H là bên cho vay không thừa nhận và chỉ có giao dịch hợp đồng vay với anh T và ông B, còn việc anh T và ông B đã giao lại số tiền đã vay của chị H cho chị C và anh P là phát sinh một giao dịch dân sự khác nên việc anh T yêu cầu chuyển giao nghĩa vụ của chị C, anh P trả nợ cho chị H khi chưa có sự đồng ý của chị H là không cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Xét hợp đồng vay tiền ký kết ngày 11/8/2025 không có thỏa thuận lãi suất nhưng khi đến hạn (thời hạn trả là 20 ngày kể từ ngày 11/8/2025 đến ngày 31/8/2025) bên ông B và anh T vẫn không trả được nợ gốc 2.300.000.000đ cho chị H. Do đó, xét yêu cầu của chị H yêu cầu ông B và anh T trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/9/2025 (ngày tiếp theo liền kề của ngày đến hạn trả nợ) cho đến ngày 12/01/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là 04 tháng 14 ngày là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau: $(2.300.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 04 \text{ tháng } 14 \text{ ngày}) = 85.268.000đ$.

Như vậy, ông B và anh T có trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền vốn và lãi còn nợ tổng cộng là 2.385.268.000đ.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trong đó bị đơn ông Nguyễn Văn B thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định tại các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 và khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 và khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thụy Hải H.

Buộc ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Thành T có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thụy H1 H số tiền vốn vay và lãi còn nợ tổng cộng là 2.385.268.000đ (*Hai tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng*), trong đó: nợ vốn là 2.300.000.000đ (*Hai tỷ, ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 85.268.000đ (*T1 mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Miễn nộp tiền án dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn B. Buộc anh Nguyễn Thành T phải nộp 39.852.000đ (*Ba mươi chín triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho chị Lê Thụy H1 H số tiền 39.732.000đ (*Ba mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007637 ngày 29/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV3 – Vĩnh Long;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa